ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 158/2026/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 991/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 9 năm 2026; thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 543/BC-STP ngày 28 tháng 9 năm 2026 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu Lý Sơn *(sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân các xã);* các thôn, làng *(gọi chung là thôn)* thuộc xã, đặc khu trong quá trình triển khai thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương liên quan và chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn và triển khai thực hiện đối với

các nội dung chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do đơn vị được phân công phụ trách.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã hướng dẫn việc xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định thôn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Ủy ban nhân dân các xã

a) Căn cứ Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và hướng dẫn của các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, chủ động rà soát, đánh giá mức độ đạt được đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thôn nông thôn mới trên địa bàn; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các thôn trên địa bàn tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp, hàng năm, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn.

d) Tổ chức xét, công nhận và công bố, thu hồi quyết định thôn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.

4. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, hằng năm, tổ chức giám sát việc thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn, đa dạng các hình thức tuyên truyền về kết quả thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Trưởng Thống kê tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu Lý Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Đỗ Tâm Hiển

Phụ lục

BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 158/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với thôn thuộc từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Thôn thuộc xã nhóm 1	Thôn thuộc xã nhóm 2	Thôn thuộc xã nhóm 3	
1	**Hạ tầng kinh tế - xã hội**	1.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn thôn đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ km đường xã (nằm trên địa bàn thôn) được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm.	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm.	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 50% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm.	Sở Xây dựng
		1.2. Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥90%; có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥80%; có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥50%.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với thôn thuộc từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Thôn thuộc xã nhóm 1	**Thôn thuộc xã nhóm 2**	**Thôn thuộc xã nhóm 3**	
				thị.	tỷ lệ ≥30%.		
		1.3. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	≥99%	≥99%	≥98%	Sở Công Thương
		1.4. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	- Thôn có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất; và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. - Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn thôn phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.			Sở Khoa học và Công nghệ
2	**Phát triển kinh tế nông thôn**	2.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/ năm	≥ 9,5%			Thống Kê tỉnh
		2.2. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Hội Nông dân tỉnh
3	**Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn**	3.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥27%	≥40%	≥35%	≥27%	Sở Nội vụ
		3.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	≥60%	≥50%	≥40%	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với thôn thuộc từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Thôn thuộc xã nhóm 1	**Thôn thuộc xã nhóm 2**	**Thôn thuộc xã nhóm 3**	
4	**Văn hóa, Giáo dục, Y tế**	4.1. Thôn đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	- Có Nhà Văn hóa - Khu thể thao hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định; có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả; có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể và 01 câu lạc bộ thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, có chất lượng. - Có mô hình thư viện phục vụ cộng đồng đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định. - Có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em. - Có hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định của pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình.			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
				- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" đạt ≥90%.	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" đạt ≥85%.	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" đạt ≥80%.	
		4.2. Thôn đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; - Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với thôn thuộc từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Thôn thuộc xã nhóm 1	**Thôn thuộc xã nhóm 2**	**Thôn thuộc xã nhóm 3**	
				tương đương ≥90%; - Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác ≥90%.	tương đương ≥85%; - Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác ≥85%.	tương đương ≥80%; - Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác ≥80%.	
		4.3. Thôn đạt tiêu chí về y tế	Đạt	Người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, an sinh xã hội.	Người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, an sinh xã hội.	Người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, an sinh xã hội.	Sở Y tế
5	**Giảm nghèo và An sinh xã hội**	5.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤2%	≤5%	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	≥95%	≥85%	≥75%	Sở Xây dựng
				Việc đánh giá nhà ở kiên cố theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 10/2026/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.			
		5.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥80% (trong đó ≥10% từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥70% (trong đó ≥5% từ công trình cấp nước tập trung)	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥40%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với thôn thuộc từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Thôn thuộc xã nhóm 1	**Thôn thuộc xã nhóm 2**	**Thôn thuộc xã nhóm 3**	
		5.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
6	**Chuyển đổi số**	6.1. Điểm truy cập số cộng đồng	Đạt	Có tối thiểu 01 điểm truy cập số cộng đồng tại nhà văn hóa thôn hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng được kết nối Internet cáp quang băng rộng			Sở Khoa học và Công nghệ
		6.2. Tổ công nghệ số cộng đồng	Đạt	Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập, duy trì hoạt động; người dân trong thôn được phổ biến, hướng dẫn hoặc tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01 lần/năm			
7	**Môi trường và cảnh quan nông thôn**	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	
		7.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	
		7.4. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	- Cảnh quan không gian xanh: Ít nhất 80% số km đường trục thôn,	- Cảnh quan không gian xanh: Ít nhất 75% số km đường trục thôn,	- Cảnh quan không gian xanh: Ít nhất 70% số km đường trục thôn,	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với thôn thuộc từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Thôn thuộc xã nhóm 1	**Thôn thuộc xã nhóm 2**	**Thôn thuộc xã nhóm 3**	
				liên thôn (ở nơi có điều kiện) được trồng cây xanh bóng mát, cây cảnh, hoa hoặc thảm cỏ; các khu vực công cộng trồng cây xanh (chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2 m^2/người).	liên thôn (ở nơi có điều kiện) được trồng cây xanh bóng mát, cây cảnh, hoa hoặc thảm cỏ; các khu vực công cộng trồng cây xanh (chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2 m^2/người).	liên thôn (ở nơi có điều kiện) được trồng cây xanh bóng mát, cây cảnh, hoa hoặc thảm cỏ; các khu vực công cộng trồng cây xanh (chỉ tiêu đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở tối thiểu đạt 2 m^2/người).	
				- Cảnh quan không gian sạch: Đường trục thôn, liên thôn được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý; kênh, mương (nếu có) được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh, mương thoát nước; - Cảnh quan không gian đẹp: Đường trục thôn, liên thôn được trồng hoa hoặc cây cảnh; hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp, không để chất thải rắn, nước thải ứ đọng trong khuôn viên hộ gia đình; - An toàn: hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích, cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ.			
8	**Xây dựng hệ thống chính**	8.1. Chi bộ, Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong thôn được đánh giá, xếp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đảng ủy xã, UBND xã, các cơ quan, đơn vị liên

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với thôn thuộc từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách, hướng dẫn thực hiện
				Thôn thuộc xã nhóm 1	**Thôn thuộc xã nhóm 2**	**Thôn thuộc xã nhóm 3**	
	trị, tiếp cận pháp luật và An ninh, trật tự	loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên					quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ
		8.2. Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở	Đạt	(i) 100% các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở; (ii) Ít nhất từ đủ 85% trở lên các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành.			Sở Tư pháp
		8.3. An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	- An ninh, trật tự được bảo đảm. - Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng và điều kiện hoạt động.			Công an tỉnh
		8.4. Có hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn toàn thôn (ưu tiên lắp đặt hệ thống camera AI giám sát an ninh)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

(Bộ tiêu chí này có 8 tiêu chí, 25 nội dung tiêu chí)./.